

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - NINH BÌNH

Bản án số: 229/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 6 - 2026

“V/v ly hôn giữa anh Tuyến và chị Mai”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc;

Bà Đinh Thị Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02/4/2026 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1975; nơi cư trú: **Xóm A, xã X, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị **Phạm Thị M**, sinh 1978; nơi cư trú: **Xóm A, xã X, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh **Phan Văn T** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị **Phạm Thị M** tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 13/02/1998 tại **UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định nay là xã X, tỉnh Ninh Bình**. Gần đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể chia sẻ. Nguyên nhân chính là mâu thuẫn về mặt tình cảm, vợ chồng không có sự chung thủy với

nhau. Gia đình cũng đã tác động để vợ chồng tìm giải pháp hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, chị **M** đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị **Phạm Thị M**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Phan Văn C**, sinh ngày 21/11/1998 và **Phan Thị N**, sinh ngày 05/5/2004. Hiện các con đã thành niên và tự lập nên anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, chị **Phạm Thị M**: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị **Phạm Thị M**, nhưng chị **M** không đến Tòa án làm việc cũng như không tham gia phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, do vậy chị **M** không có quan điểm giải quyết vụ án.

Kết quả thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương nơi anh **T** và chị **M** cư trú cung cấp: Anh **Phan Văn T** và chị **Phạm Thị M** kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **X** và sinh sống tại địa phương. Anh **T** và chị **M** có 02 con chung là **Phan Văn C**, sinh năm 1988 và **Phan Thị N**, sinh năm 2004, Cả hai con chung đã thành niên và tự lập được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo quy định, nguyên đơn đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa anh **Phan Văn T** và chị **Phạm Thị M**.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn và bị đơn để tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy

định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh **Phan Văn T** có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị **Phạm Thị M**. Xét thấy tranh chấp giữa anh **T** và chị **M** là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là chị **Phạm Thị M** cư trú tại **xóm A, xã X, tỉnh Ninh Bình**. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

[1.3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, anh **Phan Văn T** có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, chị **Phạm Thị M** đã được triệu tập đến phiên toà lần hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phan Văn T** và chị **Phạm Thị M** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định (nay là xã X, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 13 tháng 02 năm 1998 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống anh **T** và chị **M** phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng lại không có biện pháp giải quyết dẫn đến việc chị **M** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở **Thôn A (X), xã X, tỉnh Ninh Bình** làm ăn, sinh sống. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi chị **M** đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh **T** nhưng chị **M** không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt tại phiên tòa. Điều đó thể hiện việc chị **M** không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh **T** và chị **M** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa anh **Phan Văn T** và chị **Phạm Thị M** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con chung đã thành niên và tự lập được nên anh **T** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, anh **Phan Văn T** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh **Phan Văn T** và chị **Phạm Thị M**.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **Phan Văn T** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 2692 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, anh **Phan Văn T** và bị đơn, chị **Phạm Thị M** có quyền kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV10 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Xuân Hồng;
- Lưu **VT**, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bang

